

Số: /QĐ-SYT

Kon Tum, ngày tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở
khám bệnh, chữa bệnh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-UB ngày 01/11/1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thành lập Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 26/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng chuyên môn thẩm định điều kiện thực hiện các dịch vụ kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Kon Tum (đợt 02 - năm 2025) ngày 14/3/2025;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 22/3/2025 của Đoàn thẩm định Sở Y tế về cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh với các thông tin như sau:

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: PHÒNG XÉT NGHIỆM Y KHOA 146 LÊ QUÝ ĐÔN thuộc HỘ KINH DOANH PHÒNG XÉT NGHIỆM Y KHOA 146 LÊ QUÝ ĐÔN.

2. Hình thức tổ chức: Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng (Cơ sở xét nghiệm).

3. Địa chỉ hoạt động: Số 146 đường Lê Quý Đôn, phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

4. Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật:

- Họ và tên: Phan Sỹ Phú.

- Chứng chỉ hành nghề số 000242/KT-CCHN do Sở Y tế tỉnh Kon Tum cấp ngày 19/9/2012.

5. Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Giám đốc Sở Y tế phê duyệt ban hành kèm theo giấy phép hoạt động.

6. Thời gian làm việc hằng ngày: Thứ Hai đến thứ Sáu: 11h00-13h00, 17h00-20h00; Thứ Bảy, Chủ nhật và ngày lễ: 07h30-20h00.

7. Số Giấy phép hoạt động: 469/KT-GPHĐ.

Điều 2. Cơ sở có tên tại Điều 1 có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện cơ sở hạ tầng, thiết bị, nhân lực và các điều kiện cần thiết khác để đảm bảo hoạt động theo phạm vi chuyên môn được phê duyệt; tuân thủ quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và quy trình chuyên môn kỹ thuật của Bộ Y tế; đảm bảo an toàn cho người bệnh.

Điều 3. Trưởng các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Y tế; người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Thanh tra Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở Y tế;
- Lưu: VT, NV.

GIÁM ĐỐC

Võ Văn Thanh

Phụ lục 1
DANH SÁCH ĐĂNG KÝ NGƯỜI HÀNH NGHỀ TẠI
CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày /4/2025
của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kon Tum)

TT	Họ và tên	Số Chứng chỉ/ Giấy phép hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề
1	Phan Sỹ Phú	000242/KT-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn về xét nghiệm	Thứ Hai đến thứ Sáu: 11h00-13h00, 17h00-20h00; Thứ Bảy, Chủ nhật và ngày lễ: 07h30- 20h00
2	Phạm Xuân Kiều	003024/TTH-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Thứ Hai đến thứ Sáu: 11h00-13h00, 17h00-20h00; Thứ Bảy, Chủ nhật và ngày lễ: 07h30- 20h00
3	Lương Khải Hoàn	2101/KT-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TT-BYT- BNV ngày 07/10/2015	Thứ Hai đến thứ Sáu: 11h00-13h00, 17h00-20h00; Thứ Bảy, Chủ nhật và ngày lễ: 07h30- 20h00

Phụ lục 2
DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN PHÊ DUYỆT TẠI
CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày /4/2025
của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kon Tum)

STT	Tên kỹ thuật	Mã kỹ thuật	Chuyên ngành
1	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	1.251	Hồi sức cấp cứu và chống độc
2	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (Bằng máy đếm tổng trở)	22.120	Huyết học
3	Định lượng Acid Uric (máu)	23.3	Hóa sinh
4	Định lượng Albumin (máu)	23.7	Hóa sinh
5	Đo hoạt độ Amylase (máu)	23.10	Hóa sinh
6	Đo hoạt độ ALT (GPT) (máu)	23.19	Hóa sinh
7	Đo hoạt độ AST (GOT) (máu)	23.20	Hóa sinh
8	Định lượng Bilirubin trực tiếp (máu)	23.25	Hóa sinh
9	Định lượng Bilirubin toàn phần (máu)	23.27	Hóa sinh
10	Định lượng Canxi toàn phần (máu)	23.29	Hóa sinh
11	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	23.41	Hóa sinh
12	Định lượng Creatinin (máu)	23.51	Hóa sinh
13	Định lượng Glucose (máu)	23.75	Hóa sinh
14	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) (máu)	23.77	Hóa sinh
15	Định lượng Protein toàn phần (máu)	23.133	Hóa sinh
16	Định lượng Triglycerid (máu)	23.158	Hóa sinh
17	Định lượng Urê (máu)	23.166	Hóa sinh
18	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	23.206	Hóa sinh
Tổng cộng: 18 kỹ thuật			